

Số: /KH-CĐBK

Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2024

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO
Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô 01/K21 (TC-CNÔTÔ /K21)

1. Tên ngành, nghề: Công nghệ ô tô; **Mã nghề:** 5510216

2. Trình độ đào tạo: Trung cấp

3. Đối tượng tuyển sinh: Người tốt nghiệp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông hoặc tương đương.

4. Mục tiêu đào tạo

4.1. Mục tiêu chung:

Sau khi kết thúc khóa học người học có khả năng:

Có kiến thức chuyên môn nghề, thực hiện được các công việc bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; tiếp cận, ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ vào bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; có đạo đức, sức khỏe, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp.

4.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Kiến thức

- Vận dụng các kiến thức môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở vào các mô đun chuyên môn nghề Công nghệ ô tô.

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các cơ cấu và hệ thống cơ bản trên xe ô tô.

- Phân tích được hiện tượng, nguyên nhân hư hỏng và nêu ra phương pháp bảo dưỡng, sửa chữa trên xe ô tô.

- Trình bày được quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh trên xe ô tô.

- Trình bày kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, an ninh quốc phòng và công nghệ thông tin, tiếng anh cơ bản.

2.2.2. Kỹ năng

- Lựa chọn và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị sửa chữa, kiểm tra trong nghề công nghệ ô tô.

- Thực hiện được công việc tháo, lắp, kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng, sửa chữa

các cơ cấu và hệ thống cơ bản trên xe ô tô đúng quy trình kỹ thuật.

- Lái được xe ô tô trong Gara đảm bảo an toàn.
- Chấp hành an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Có năng lực tiếng Anh bậc 1/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chấp hành tốt các nội quy, quy định tại nơi làm việc, có năng lực tự chủ, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ khi được giao.
- Có trách nhiệm với công việc, ý thức kỷ luật lao động, đảm bảo an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp.
- Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm để chia sẻ kinh nghiệm nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc.
- Có tinh thần học hỏi, rèn luyện tính cẩn thận, sáng tạo để nâng cao kỹ năng thực hành đáp ứng yêu cầu công việc.
- Đánh giá được các kết quả công việc của mình và của các thành viên trong nhóm.
- Có ý thức bảo vệ môi trường và sức khỏe của cộng đồng trong quá trình làm việc.

5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Thợ sửa chữa tại các cơ sở bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô.
- Công nhân các nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp xe ô tô.
- Làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc làm việc ở ngoài nước theo nghề được đào tạo.
- Tự tạo được việc làm theo nghề được đào tạo.

6. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1650 giờ/62 tín chỉ.
- Số lượng môn học, mô đun: 32
- Khối lượng học tập các môn học chung: 255 giờ/11 tín chỉ.
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1170 giờ/42 tín chỉ.
- Khối lượng lý thuyết: 371 giờ; Thực hành, thực tập: 1001 giờ; Kiểm tra: 53 giờ.

- Khối lượng các môn học, mô đun tự chọn: 225 giờ/ 9 tín chỉ.

6.1. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB - 01	Hiểu biết các kiến thức về chính sách, pháp luật của Nhà nước
2	NLCB - 02	Duy trì rèn luyện sức khỏe
3	NLCB - 03	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản
4	NLCB - 04	Có kiến thức về an ninh quốc phòng
5	NLCB - 05	Sử dụng tiếng anh giao tiếp cơ bản
6	NLCB - 06	Làm việc hiệu quả trong nhóm
7	NLCB - 07	Có khả năng làm việc độc lập và giải quyết các công việc một cách chủ động
8	NLCB - 08	Làm việc an toàn, bảo vệ môi trường
9	NLCB - 09	Có trình độ chuyên môn nghề, có lòng yêu nghề, đáp ứng được với vị trí việc làm của nghề
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
6	NLCL - 01	Hiểu được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các cơ cấu, hệ thống trên ô tô.
7	NLCL - 02	Đọc được bản vẽ, tra cứu được tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô.
8	NLCL - 03	Sử dụng thành thạo các thiết bị và dụng cụ dùng cho chuyên môn nghề.
9	NLCL - 04	Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị kiểm tra, sửa chữa.
10	NLCL - 05	Thực hiện công việc tháo, lắp và bảo dưỡng sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống cơ bản trên ô tô đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động.
11	NLCL - 06	Thực hiện công việc kiểm tra, chẩn đoán các cơ cấu và các hệ thống cơ bản trên ô tô đúng quy trình kỹ thuật.

12	NLCL - 07	Lái được xe ô tô trong Gara đảm bảo an toàn
13	NLCL - 08	Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm, chủ động thực hiện được công việc được giao và có tác phong công nghiệp.
14	NLCL - 11	Sử dụng các thuật ngữ chuyên môn ngành để giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc.
III	Năng lực nâng cao	
15	NLNC - 01	Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở trình độ thấp hơn.
16	NLNC - 02	Đánh giá chất lượng công việc và hiệu quả thực hiện công việc.

6.2. Nội dung chương trình

Nội dung chương trình môn học, mô đun bắt buộc

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Tiếng anh	3	90	30	56	4

II	Các môn học, mô đun chuyên môn	42	1170	277	853	40
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	8	150	82	56	12
MH 07	Vật liệu học	1	15	13	0	2
MH 08	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	28	0	2
MH 09	Vẽ kỹ thuật	2	30	28	0	2
MH 10	An toàn lao động	1	15	13	0	2
MĐ 11	Thực hành Nguội cơ bản	1	30	0	28	2
MĐ 12	Thực hành Hàn cơ bản	1	30	0	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	34	1020	195	797	28
MĐ 13	Kỹ thuật chung về ô tô	2	45	15	28	2
MĐ 14	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	3	75	15	57	3
MĐ 15	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	2	45	15	28	2
MĐ 16	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	2	45	15	28	2
MĐ 17	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng và động cơ diesel	3	75	15	57	3
MĐ 18	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	4	90	30	56	4
MĐ 19	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	3	75	15	57	3

MĐ 20	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển và hệ thống lái	3	75	15	57	3
MĐ 21	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	2	45	15	28	2
MĐ 22	Thực tập tốt nghiệp và trải nghiệm Doanh nghiệp	10	450	45	401	4
	Cộng/Tỷ lệ %	53	1425	371 (26%)	1001 (70,2%)	53 (3,8%)
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	09	225	67	149	9
	Tổng cộng/Tỷ lệ %	62	1650	438 (26,5%)	1150 (69,7%)	62 (3,8%)

6.3. Nội dung chương trình mô đun tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
MĐ 23	Thực hành mạch điện cơ bản	2	45	15	28	2
MĐ 24	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa trên xe ô tô	3	75	15	57	3
MĐ 25	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô	2	45	15	28	2
MĐ 26	Kiểm tra và sửa chữa Pan ô tô	2	45	15	28	2
MĐ 27	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô - xe máy	2	45	15	28	2
MĐ 28	Kỹ thuật lái xe ô tô	2	45	15	28	2

MĐ 29	Bảo dưỡng hệ thống phanh ABS	2	45	15	28	2
MĐ 30	Kiểm tra và hiệu chỉnh động cơ	2	45	15	28	2
MĐ 31	Kỹ thuật kiểm định ô tô	2	45	15	28	2
MĐKNM	Kỹ năng mềm	2	60	22	36	2
	Cộng	21	495	157	317	21

7. Thời gian thực hiện (như biểu sau):

TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO LỚP TRUNG CẤP NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ																																																										
LỚP TC - CNOTO /K21 (KHÓA HỌC 2024 - 2026)																																																										
Năm học	Tháng	Tháng 6/2024					Tháng 7/2024					Tháng 8/2024					Tháng 9/2024					Tháng 10/2024					Tháng 11/2024				Tháng 12/2024				Tháng 01/2025				Tháng 2/2025				Tháng 3/2025				Tháng 4/2025				Tháng 5/2025				Tháng 6/2025			
		Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52				
	Từ ngày	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	1	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	3	10	17	24	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9					
	đến	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	2	9	16	21	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15					
Lớp	HK I														Học kỳ II																																											
2024 - 2025	TC- CNOTO/K21	Khai giảng & học các MB cơ sở	Học các môn cơ sở, môn học chung, môn học/mô đun cơ sở và chuyên nghề; thi kết thúc môn học/ mô đun (Tối đa 550 giờ)														Dự phòng	Học các mô đun cơ sở, chuyên nghề; thi kết thúc môn học, mô đun				NGHỈ TẾT	Dự phòng	Học các mô đun cơ sở và chuyên nghề; thi kết thúc môn học/ mô đun, học tập ngoại khóa (Tối đa 550 giờ)																																		
Năm học	Tháng	Tháng 6/2025					Tháng 7/2025					Tháng 8/2025					Tháng 9/2025					Tháng 10/2025					Tháng 11/2025				Tháng 12/2025				Tháng 01/2026				Tháng 2/2026																			
		Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37																			
	Từ ngày	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	2	9	16	23																				
	đến	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	1	8	15	22	1																				
Lớp	Học kỳ phụ														HK III																																											
2025 - 2026	TC- CNOTO/K21	Học kỳ phụ	NGHỈ HÈ					Học kỳ phụ	Dự phòng	Học các mô đun tự chọn; thực tập và trải nghiệm doanh nghiệp (Tối đa 550 giờ)														NGHỈ TẾT	Xét TN và Bế giảng																																	
* Ghi chú:		Tổng số kỳ : 03 kỳ bằng 23 tuần/ 1 kỳ và tổng số tuần học có 69 tuần														(Không bao gồm kỳ phụ)																																										
		Tổng số giờ lý thuyết: 438 giờ trong đó của mô đun thực tập : 45 giờ lý thuyết																																																								
		Tổng số giờ thực hành + Kiểm tra: 1212 giờ trong đó của mô đun thực tập : 405 giờ																																																								
		Xếp giờ mô đun thực hành : 450/40 là 11, 2 tuần																																																								
		Số tuần còn dư là: 57 tuần																																																								
		Lý thuyết: 393 giờ /18 giờ /1 tuần hết 21,8 tuần																																																								
		Thực hành , thực tập: 811 giờ/ 24 giờ /1 tuần hết 33, 7 tuần																																																								

8. Quyết định phê duyệt chương trình: Thực hiện theo Quyết định số 348/QĐ-CĐBK ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, trình độ Trung cấp (cập nhật, bổ sung năm 2024)/.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Các phòng, khoa (t/h);
- Bộ môn Công nghệ ô tô (t/h);
- Website;

Gửi bản giấy:

- Lưu VT, ĐT (Vân, Diệu, Chung).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Chu Thị Thủy